

Bản án số: 103 /2024/HSST

Ngày 13/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Bà Bạc Thị Liên

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Thanh Hương
2. Ông Vũ Văn Quỳnh

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Minh T - Thư ký, Toà án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ.

- Đại diện VKSND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13/5/2024 Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 110/2024/HSST ngày 02 tháng 4 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116 /2024/QĐXXST- HS ngày 02/5/2024 đối với bị cáo:

1. Họ tên: **Nguyễn Văn T**. Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1983, tại Điện Biên.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Số nhà 100, tổ dân phố 6, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;

Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12

Con ông: Nguyễn Văn K (đã chết). Con bà: Trương Thị M, sinh năm 1963. Bị cáo có vợ: Nguyễn Thị Như N, sinh năm 1990(đã ly hôn) Bị cáo có 01 con sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 24/5/2018 bị TAND huyện Đ xử phạt 36 tháng tù về tội " Mua bán trái phép chất ma túy" ngày 28/4/2020 chấp hành xong bản án trở về địa phương bản án này đến nay đã xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 31/12/2023. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thế P, sinh năm 1955. Trú tại: C17, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 30/12/2023, Nguyễn Văn T điều khiển xe moto biển kiểm soát 27Z1-040.53 đi từ nhà tại tổ 6, phường Nam T, thành phố Đ, đến xã N, huyện Đ tìm mua ma túy để sử dụng. Khi đến khu vực nghĩa địa bản Bông, xã Noong Hẹt Thành gặp và mua của một người đang ông không quen biết được 12 viên nén màu hồng với giá

250.000đ được quần bên ngoài bằng 01 mảnh băng dính màu đen, tiếp đến là 02 mảnh nilon màu trắng. Sau khi mua được ma túy T đi vào bụi cây ven đường sử dụng hết 06 viên, số m túy còn lại T dùng 2 mảnh nilon màu trắng gói lại và dùng mảnh băng dính màu đen quần bên ngoài rồi dán một đầu của mảnh băng dính màu đen vào dưới bọc dây ga phía tay lái bên phải của xe moto, rồi điều khiển xe moto đi về nhà. Hồi 21 giờ 15 phút ngày 31/12/2023 T điều khiển xe moto biển kiểm soát 27Z1-040.53 đi đến khu vực tổ 4- K, phường N, thành phố Đ, thì bị tổ công tác Công an thành phố Đ phát hiện bắt quả tang thì giữ 01 gói ma túy bên trong chứa 06 viên nén màu hồng, cùng 01 chiếc xe mô tô hiệu HONDA loại AIR BLADE kiểm soát 27Z1-040.53; 01 giấy phép lái xe và căn cước công dân.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng ngày 31/12/2023 đã xác định: 06 viên nén màu hồng nghi ma túy tổng hợp thu giữ của Nguyễn Văn T có khối lượng là 0,61 gam, (kí hiệu M) gửi toàn bộ giám định.

Tại bản kết luận giám định số 179/KL- KTHS ngày 08/01/2024 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ đã kết luận: Vật chứng ký hiệu là M có khối lượng 0,61 gam các viên nén màu hồng là chất ma túy: Loại Methamphetamine, hoàn lại mẫu vật giám định.

Tại bản cáo trạng số 47/CT-VKSDB ngày 02/4/2024; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện VKSND thành phố Đ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38/BLHS:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ **17 đến 20** tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Áp dụng Điểm a, c Khoản 1 Điều 47/BLHS năm 2015; Điểm a, c Khoản 2 Điều 106/BLTTHS năm 2015 về xử lý vật chứng.

Căn cứ Khoản 2 Điều 136/ BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết 326 Bị cáo phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Bị cáo hoàn toàn nhất trí với quan điểm truy tố và luận tội của VKSND thành phố Đ, không có ý kiến tranh luận.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T một lần nữa khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã trình bày ở trên. Bị cáo hoàn toàn nhất trí với quan điểm truy tố và luận tội của VKSND thành phố Đ, không có ý kiến tranh luận gì. Lời nói sau cùng của bị cáo: Ngoài xin giảm nhẹ hình phạt không có ý kiến gì khác.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa và của bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hành vi và các Quyết định của cơ quan người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, Điều tra viên, kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục đảm bảo theo qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý

kiến khiếu nại gì do đó các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng là hợp pháp được chấp nhận.

[2]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hồi 21 giờ 15 phút ngày 31/12/2023 tại khu vực tổ 4 - K, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, Nguyễn Văn T đã có hành vi cất giấu trái phép 0,61 gam Methamphetamine. Mục đích để sử dụng cho bản thân. Nguồn gốc số ma túy có được là do mua của một người đàn ông không biết tên tại khu vực bãi nghĩa địa bản Bông, xã N, huyện Đ với giá 250.000đ (được 12 viên nén màu hồng) sau khi mua được ma túy T sử dụng tại đó 06 viên nén số các viên nén còn lại là 06 viên bị cáo đem về để sử dụng thì bị bắt quả tang.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành và được thực hiện bằng lỗi cố ý trực tiếp. Vật chứng thu giữ của Nguyễn Văn T sau khi cân là 0,61 gam, kết luận giám định 06 viên nén màu hồng là chất ma túy loại Methamphetamine.

Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản mở niêm phong xác định khối lượng; Kết luận giám định; Kết luận điều tra, các bản cung có trong hồ sơ vụ án cũng như cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Từ những chứng cứ nêu trên đủ cơ sở kết luận: Hành vi tàng trữ 0,61 gam Methamphetamine trên người mục đích để sử dụng của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 249/BLHS.

Cáo trạng truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; Bị cáo là người có đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự và phải chịu hình phạt mà pháp luật quy định do hành vi phạm tội của mình đã gây ra.

[3]. Xét tính chất mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo cho thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Tội phạm mà bị cáo thực hiện thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hành vi đó đã làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa bàn phường N nói riêng và thành phố Đ nói chung.

Bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy, nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Song vì nhu cầu của bản thân bị cáo đã bất chấp và cố tình vi phạm. Nên cần phải xử lý bị cáo nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo cho thấy. Sinh ra và lớn lên tại Điện Biên, học hết lớp 12/12 ở nhà lao động tự do. Ngày 24/5/2018 bị TAND huyện Đ xử phạt 36 tháng tù về tội " Mua bán trái phép chất ma túy" ngày 28/4/2020 chấp hành xong bản án trở về địa phương bản án này đến nay đã xóa án tích. Mặc dù bản án đã được xóa án tích nhưng điều này cho thấy bị cáo có nhân thân xấu, khi ra trại trở về địa phương không tu chí làm ăn lại tiếp tục phạm tội. Tuy nhiên trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo. Trong hồ sơ còn thể hiện ông nội bị cáo là Nguyễn Văn K được thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì và là thương binh loại A, ông nội bị cáo có sinh sống cùng gia đình bị cáo, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS năm 2015.

[5]. Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản theo quy định tại Khoản 5 Điều 249/BLHS năm 2015. Nhưng xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thu nhập chủ yếu dựa vào lao động sản xuất nông nghiệp ngoài ra không có thu nhập ổn

định, nên không có khả năng thi hành vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Xét đề nghị của đại diện VKS là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

Nguồn gốc số ma túy trên theo lời khai của bị cáo đã mua của một người đàn ông không biết tên và địa chỉ Cơ quan điều tra không điều tra làm rõ được cho nên HĐXX không xem xét trong vụ án.

[6]. Vật chứng của vụ án cần áp dụng Điểm a, c Khoản 1 Điều 47/BLHS 2015; Điểm a, c Khoản 2 Điều 106/BLTTHS 2015 về xử lý vật chứng. Tịch thu tiêu huỷ 0,48 gam Methamphetamine được hoàn lại sau giám định; 01 mảnh băng dính màu đen 02 mảnh nilon màu trắng.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô hiệu HONDA loại AIR BLADE kiểm soát 27Z1-040.53; 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Thế Phụng là chủ của bị cáo khi cho bị cáo mượn xe ông P không biết bị cáo đem đi mua ma túy, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cùng giấy tờ đăng ký xe cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Thế P HĐXX chấp nhận; Đối với căn cước công dân của Nguyễn Văn T đã trả cho bà Trương Thị M (mẹ đẻ của bị cáo);

[7]. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136/BLTTHS năm 2015 và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38/ BLHS; Điều 331, Điều 333/BLTTHS

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”
2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01(một) năm 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (31/12/2023).

3. Căn cứ: Điểm a, c Khoản 1 Điều 47/BLHS năm 2015; Điểm a, c Khoản 2 Điều 106/BLTTHS năm 2015 về xử lý vật chứng.

Tịch thu tiêu huỷ 0,48 gam Methamphetamine được hoàn lại sau giám định; 02 mảnh nilon màu trắng; 01 mảnh băng dính màu đen. (Vật chứng đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên phủ vào ngày 02/4/2024 đặc điểm vật chứng mô tả theo biên bản giao nhận).

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136/BLTTHS năm 2015 và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí lệ phí Tòa án bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/5/2024).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh ĐB
- VKSND TPĐiện B;
- Cơ quan CSĐT TP Đ;
- Bộ phận HNV- CATP Đ;
- Sở TP tỉnh Điện Biên;
- CCTHADS TP Đ;
- HSTHA hình sự;
- Bị cáo; Người l;
- Lưu./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bạc Thị Liên

